

Số: 968/QĐ-HĐTS

Sơn La, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh
trúng tuyển trình độ Cao đẳng, Trung cấp đợt 4 năm 2025**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận 91/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 10/11/2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SKHĐT ngày 12/12/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, sự nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025; Quyết định số 546/QĐ-CĐSL ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng trường CĐ Sơn La Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-CĐSL ngày 21/8/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-CĐSL ngày 16/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-HĐTS ngày 03/3/2025 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-HĐTS ngày 15/7/2025 của Hội đồng tuyển sinh Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-HĐTS ngày 29/7/2025 của Hội đồng tuyển sinh Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 - Đợt 2 (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-HĐTS ngày 28/8/2025 của Hội đồng tuyển sinh về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề khối Giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng (đợt 1), Trung cấp (đợt 3) năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-HĐTS ngày 22/8/2025 của Hội đồng tuyển sinh về Công bố điểm trúng tuyển các ngành, nghề trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-HĐTS ngày 18/9/2025 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng đợt 2, trình độ trung cấp đợt 4 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-HĐTS ngày 01/10/2025 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng đợt 3 năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2025 số 109/BB-HĐTS ngày 01/10/2025;

Căn cứ Biên bản kiểm dò số 24, 25/BB-KT-KTGS07 ngày 30/9/2025, 09/10/2025 của Tổ KTGS về việc kiểm tra hồ sơ tuyển sinh khối Cao đẳng đợt, Trung cấp đợt năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định điểm trúng tuyển trình độ Cao đẳng, Trung cấp đợt 4 năm 2025 như sau:

TT	Tên nghề	Mã ngành/ngành	Điểm trúng tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
1	Cao đẳng Công nghệ thông tin	6480201	17,00	01
3	Cao đẳng Chăn nuôi - Thú y	6620120	17,00	01
4	Trung cấp Văn thư hành chính	5320301	15,75	37
5	Trung cấp Thanh nhạc	5210225	15,75	01
6	Trung cấp Trồng trọt & BVTV	5620111	15,75	72
7	Trung cấp Bảo vệ Môi trường đô thị	5850104	15,75	36
8	Trung cấp Nghiệp vụ bán hàng	5340119	15,75	35
9	Trung cấp Lâm sinh	5620202	15,75	36
10	Trung cấp Công tác xã hội	5760101	15,75	35
11	Trung cấp Hướng dẫn du lịch	5810103	15,75	66
12	Trung cấp Kế toán Doanh nghiệp	5340302	15,75	36
13	Trung cấp Chăn nuôi - Thú y	5620120	15,75	72
14	Trung cấp Tin học ứng dụng	5480205	15,75	36
15	Trung cấp Điện - Nước	5580212	15,75	36
	Tổng cộng			500

Điều 2. Công nhận danh sách **02** thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng nghề đợt 4 và **498** thí sinh trúng tuyển trình độ Trung cấp đợt 4 năm 2025 vào học các ngành/ngành tại trường Cao đẳng Sơn La.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm danh sách thí sinh trúng tuyển, hoàn thiện Giấy báo trúng tuyển và nhập học cho thí sinh,

phối hợp với các phòng, khoa chuẩn bị tốt việc tiếp sinh.

Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp sinh, sắp xếp lớp học, tổ chức đào tạo theo đúng chương trình, kế hoạch của nhà trường và các quy chế, quy định hiện hành.

Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và tham gia học tập theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường.

Điều 4. Các ông (bà) ủy viên Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Báo cáo);
- Sở GD-ĐT (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Website nhà trường (Đăng tin);
- Như Điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT, T.TSHN.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Long

(Kèm theo Quyết định số 968/QĐ-HĐTS ngày 10/10/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

(Danh sách trên có 02 thí sinh trúng tuyển)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 4

(Kèm theo Quyết định số 968/QĐ-HĐTS ngày 10/10/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
A	Trường Cao đẳng Sơn La												
I	Văn thư hành chính												
1	Cà Văn	Khiêm	31/03/2006	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Ngữ văn-Lịch sử -Địa lý	21,45	Bản Sắng	Mường Bằng	Sơn La
II	Thanh nhạc												
1	Giàng Thị	Chu	17/8/2009	Nữ	Mông	9/12	5210225	Thanh nhạc	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	24,65	Bản Nong Mòn	Mai Sơn	Sơn La
B	Trung tâm GDTX Phù Yên												
I.	Kế toán doanh nghiệp												
1	Phàng A	Khai	31/10/2009	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Vật lý, Hóa học	19,95	Bản Kim Bon	Kim Bon	Sơn La
2	Phàng A	Giơ	26/04/2004	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Vật lý, Hóa học	19,45	Bản Kim Bon	Kim Bon	Sơn La
3	Giàng A	Trường	12/7/2008	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Vật lý, Hóa học	18,95	Suối Gióng	Suối Tọ	Sơn La
4	Phàng Quốc	Minh	19/11/2009	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Vật lý, Hóa học	18,25	Chè Mè	Mường Bang	Sơn La
5	Ngần Thị Hồng	Phấn	17/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	26,25	Bản Suối Lúa	Tân Phong	Sơn La
6	Cầm Phương	Linh	29/8/2010	Nữ	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,15	Hạ Lương	Tường Hạ	Sơn La
7	Hà Thị Hồng	Diễm	02/09/2010	Nữ	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,55	Bản Chiếu	Mường Cơi	Sơn La
8	Đình Tuấn	Phong	08/11/2010	Nam	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,05	Hợp Bông	Kim Bon	Sơn La
9	Đình Thị Như	Huỳnh	30/11/2010	Nữ	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Pun	Gia Phù	Sơn La
10	Lý Thị Ngọc	Bích	10/04/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,95	Trung Phong	Tân Phong	Sơn La
11	Đình Thị Thanh	Huế	23/09/2010	Nữ	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,95	Bản Giáo 1	Phù Yên	Sơn La
12	Đặng Thị	Nhi	01/06/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bương Pa	Kim Bon	Sơn La
13	Hà Thu	Phương	26/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Tiểu khu Mo Nghè 2	Phù Yên	Sơn La
14	Đặng Thị	Hồng	23/07/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Suối Nhúng	Phù Yên	Sơn La
15	Lý Thị	Hiền	24/04/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Suối Pai	Phù Yên	Sơn La
16	Bàn Thị	Chúc	19/8/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Suối Pai	Phù Yên	Sơn La
17	Vàng Thị Xuân	Pà	10/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Trò	Suối Tọ	Sơn La
18	Lầu Thị	Phua	11/12/2009	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Dinh	Mường Bang	Sơn La
19	Vàng Thị	Mại	30/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Suối Ó	Suối Tọ	Sơn La
20	Lờ A	Kỷ	11/2/2010	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Suối Vé	Tân Phong	Sơn La
21	Triệu Thị	Ngoãn	25/07/2010	Nữ	Dao	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,95	Suối Pai	Phù Yên	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
22	Hà Việt	Anh	27/03/2010	Nam	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,75	TK Chiềng Trung	Phù Yên	Sơn La
23	Đình Hà	Anh	06/7/2010	Nữ	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,75	Bãi Vàng	Kim Bon	Sơn La
24	Giàng Thị	Vê	19/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,65	Bản Suối Ó	Suối Tọ	Sơn La
25	Vì Phùng Ánh	Nguyệt	09/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,65	Tân Cống	Gia Phù	Sơn La
26	Đình Văn	Huy	02/07/2010	Nam	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Suối Tre	Tân Phong	Sơn La
27	Phàng Thị	Cháu	14/4/2010	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Chè Mè	Mường Bang	Sơn La
28	Đình Gia	Tuệ	24/07/2009	nữ	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Tang Lang	Kim Bon	Sơn La
29	Sông A	Sơn	15/06/2010	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Cột Mốc	Tường Hạ	Sơn La
30	Đỗ Quốc	Trung	09/03/2010	Nam	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,05	Tiểu Khu Mo 2	Phù Yên	Sơn La
31	Đình Ngọc	Hải	08/08/2010	Nam	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,05	Tường Lang	Mường Bang	Sơn La
32	Mùa Úc	Lâu	16/11/2010	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,85	Suối Thịnh	Gia Phù	Sơn La
33	Thào Thị Pàng	Cú	25/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Suối Dinh	Suối Tọ	Sơn La
34	Lò Duy	Bảo	04/01/2010	Nam	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Tiểu Khu Mo 1	Phù Yên	Sơn La
35	Đình Anh	Thân	24/07/2010	Nam	Mường	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,05	Nà Lò	Phù Yên	Sơn La
36	Thào Thanh	Sơn	29/3/2010	Nam	Mông	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,05	Suối Thịnh	Gia Phù	Sơn La
II.	Chăn nuôi- Thú y												
1	Hoàng Anh	Phúc	28/8/2009	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Hóa học, Sinh học	21,65	Co Nga	Phù Yên	Sơn La
2	Hà Anh	Tuấn	11/04/2009	Nam	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Hóa học, Sinh học	21,25	Bản Giáo	Phù Yên	Sơn La
3	Đình Văn	Hiếu	16/02/2009	Nam	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Hóa học, Sinh học	19,05	Bản Kiu	Phù Yên	Sơn La
4	Sông Hải	Dương	15/03/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,15	Bản Lũng Khoai	Suối Tọ	Sơn La
5	Hà Bích	Thiệu	04/06/2010	Thái	Nữ	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,85	Tiểu Khu Phố	Phù Yên	Sơn La
6	Hà Thu	Phượng	11/6/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,65	Nà Lò 1	Phù Yên	Sơn La
7	Giàng Thị	Dê	17/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,35	Dăn A	Kim Bon	Sơn La
8	Thào Thị Mai	Ly	04/05/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,95	Suối Bau	Gia Phù	Sơn La
9	Lường Thị Ngọc	Lan	29/05/2010	Thái	Nữ	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Bản Giáo 1	Phù Yên	Sơn La
10	Đình Thu	Thủy	21/01/2010	Nữ	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Vạn Yên	Tân Phong	Sơn La
11	Đình Yển	Như	04/11/2010	Nữ	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,25	Bản Cù 1	Phù Yên	Sơn La
12	Vì Thị Thanh	Bình	14/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,25	TK Phố	Phù Yên	Sơn La
13	Hà Văn	Chính	17/08/2010	Nam	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,05	Trò 2	Phù Yên	Sơn La
14	Bàn Thị Hồng	Vân	03/02/2010	Nữ	Dao	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,95	Bản Sỳ Li	Đoàn kết	Sơn La
15	Mùa Thị	Dua	21/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Suối Thịnh	Gia Phù	Sơn La
16	Sông Thị	Xua	19/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Suối Tọ	Suối Tọ	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
17	Đinh Thị	Nguyệt	28/08/2010	Nữ	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Bó	Phù Yên	Sơn La
18	Hà Ngọc	Ánh	17/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	TK Nà Phái 2	Phù Yên	Sơn La
19	Sa An	Bình	11/07/2010	Nam	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Nà Lò	Phù Yên	Sơn La
20	Hoàng Thị Bảo	Xuyến	20/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	TK Mo 2	Phù Yên	Sơn La
21	Nguyễn Thị	Thanh	10/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	TK Nà Phái	Phù Yên	Sơn La
22	Đinh Thị Thanh	Chúc	19/05/2010	Nữ	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Bản Chượp	Tường Hạ	Sơn La
23	Hà Bảo	Anh	10/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	TK Mo 2	Phù Yên	Sơn La
24	Lò Thị	Liên	07/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Mo Nghè 1	Phù Yên	Sơn La
25	Vì Thị Khánh	Lê	20/10/2009	Thái	Nữ	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	TK Chiềng Trung	Phù Yên	Sơn La
26	Lò Mạnh	Anh	29/01/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,05	Dèm Hạ	Phù Yên	Sơn La
27	Hà Thị Anh	Thư	08/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,95	Bản Tân Cống	Phù Yên	Sơn La
28	Mùa Thị	Viện	20/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Suối Cù	Phù Yên	Sơn La
29	Lường Tiến	Bắc	24/08/2010	Thái	Nam	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	TK Chiềng Trung	Phù Yên	Sơn La
30	Giàng Thị	Xư	12/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,25	Suối Ó	Suối Tọ	Sơn La
31	Hoàng Thế	Minh	28/06/2010	Thái	Nam	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,95	Rèm Hạ	Phù Yên	Sơn La
32	Hoàng Văn	Diễn	13/9/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,75	Bùa Hạ	Gia Phù	Sơn La
33	Lường Minh	Thiện	08/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Bản Xà	Phù Yên	Sơn La
34	Hoàng Nhật	Văn	04/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,55	TK Mo Nghè	Phù Yên	Sơn La
35	Đinh Anh	Quân	23/7/2010	Nam	Mường	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	17,85	Chăm Chải	Phù Yên	Sơn La
36	Vì Thế	An	03/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	17,75	Bản Bùa Thượng	Gia Phù	Sơn La
C	Trung tâm GDTX Sông Mã												
I.	Tin học ứng dụng												
1	Mùa Thị	Kia	22/03/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Vật lý, Hóa học	21,15	Bản Búa Hùn	Nậm Ty	Sơn La
2	Giàng Thị	Dê	07/02/2007	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Vật lý, Hóa học	20,35	Bản Pa Tét	Huổi Một	Sơn La
3	Vàng Thị Mai	Phương	29/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,05	Bản Co Dâu	Nậm Ty	Sơn La
4	Lò Thị Lan	Thư	02/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,85	Bản Chéo	Nậm Ty	Sơn La
5	Lường Thị Khánh	Trang	13/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,15	Bản Chiềng Vàng	Nậm Ty	Sơn La
6	Thào Thị	Nụ	01/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,05	Bản Co Phường	Chiềng Khoong	Sơn La
7	Mùa Thị	Hoa	30/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Bản Búa Hùn	Nậm Ty	Sơn La
8	Dạ Ý	Huệ	18/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,55	Bản Cang Cói	Huổi Một	Sơn La
9	Hờ Thị	Đông	20/03/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,25	Bản Co Dâu	Nậm Ty	Sơn La
10	Mùa Thị	Sơn	19/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,75	Bản Nong Xà Nghè	Phiềng Cầm	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
11	Ly Thị	Sao	19/10/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,65	Bản Hua Thóng	Mường Lầm	Sơn La
12	Cút Thị	Phượng	05/11/2010	Nữ	Khơ Mú	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,55	Bản Huổi Hào	Chiềng Khoong	Sơn La
13	Hờ Thị	Day	23/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Bản Ít Lót	Mường Hung	Sơn La
14	Sộng Thị	Đơ	03/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Huổi Mươi	Chiềng Khoong	Sơn La
15	Vàng Thị	Chua	09/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Hán Ku	Chiềng Khoong	Sơn La
16	Quàng Thị	Hương	04/09/2010	Nữ	Khơ Mú	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Nà Ngập	Chiềng Khoong	Sơn La
17	Sồng Thị	Nhia	29/05/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Co Hỉnh	Phiêng Cầm	Sơn La
18	Sộng Thị	Nhĩa	26/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Hán Ku	Chiềng Khoong	Sơn La
19	Giàng Thị	Nò	09/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Pa Tét	Huổi Một	Sơn La
20	Thào Thị	Nu	15/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Ta Bay	Chiềng Khoong	Sơn La
21	Lường Thị Ngọc	Nhân	02/08/2010	Nữ	Xinh Mun	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,55	Bản Pá Công	Huổi Một	Sơn La
22	Lò Khánh	Chi	14/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,55	Bản Dạ	Bó Sinh	Sơn La
23	Vàng Thị	Nu	12/11/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Bản Túp Phạ	Huổi Một	Sơn La
24	Lò Thị Mai	Ngàn	12/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Bản Nà Mện	Nậm Ty	Sơn La
25	Cầm Thị	Hậu	06/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Nà Mện	Nậm Ty	Sơn La
26	Sồng Mai	Ly	30/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Cang Cỏi	Huổi Một	Sơn La
27	Quàng Thị	Ngân	30/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Thón	Sông Mã	Sơn La
28	Giàng Pạ	Na	15/07/2008	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Bản Phá Thóng	Huổi Một	Sơn La
29	Giàng Thị	Ia	05/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Phá Thóng	Huổi Một	Sơn La
30	Sồng Pạ	Sia	05/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,05	Bản Huổi Bua	Mường Hung	Sơn La
31	Lò Thị Ánh	Tuyết	26/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,85	Bản Pe Tiến	Chiềng Sơ	Sơn La
32	Cầm Thị Minh	Diệp	18/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Bản Huổi Cỏi	Sông Mã	Sơn La
33	Giàng Thị	Hợ	30/04/2009	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Ngu Hấu	Sông Mã	Sơn La
34	Hờ Thị	Sinh	20/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Tin Tiến	Chiềng Sơ	Sơn La
35	Lò Thị	Hoa	26/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Nậm Ún	Sông Mã	Sơn La
36	Lò Thị	Phượng	18/06/2010	Nữ	Xinh Mun	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,05	Bản Sào Và	Sông Mã	Sơn La
II.	Điện - nước												
1	Và A	Sệnh	09/05/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,55	Bản Huổi Han	Bó Sinh	Sơn La
2	Lò Minh	Huẩn	07/01/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,15	Bản Púng Kiểng	Chiềng Khoong	Sơn La
3	Thào Nụ	Sua	01/01/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Sài Khao	Chiềng Khoong	Sơn La
4	Lò Chí	Khanh	01/07/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Nà Bon	Mường Hung	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
5	Cút Văn	Tuyên	29/12/2010	Nam	Khơ Mú	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Huổi Hào	Chiềng Khoong	Sơn La
6	Lò Văn	Phương	31/12/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Bó Sắn	Chiềng Khoong	Sơn La
7	Vàng A	Sụ	10/12/2008	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Huổi Khoang	Huổi Một	Sơn La
8	Lò Văn	Đại	07/07/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,05	Bản Phổng 2	Bó Sinh	Sơn La
9	Thào A	Mạnh	02/03/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,05	Bản Pá Ca	Bó Sinh	Sơn La
10	Cầm Văn	Khang	21/10/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Mường Hung	Mường Hung	Sơn La
11	Vì Anh	Tuấn	07/11/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Púng	Chiềng Khoong	Sơn La
12	Lò Văn	Vũ	30/05/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Công	Chiềng Sơ	Sơn La
13	Lò Văn	Trường	20/03/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Phiêng Tòng	Sông Mã	Sơn La
14	Vừ Nu	Chỉ	24/04/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Xi Lô	Chiềng Khoong	Sơn La
15	Lường Tuấn	Anh	01/02/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Chiềng Vàng	Nậm Ty	Sơn La
16	Lường Văn	Hương	20/10/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Hấp	Bó Sinh	Sơn La
17	Sộng A	Lệnh	06/10/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,25	Bản Tạng Són	Sông Mã	Sơn La
18	Hàng A	Thại	22/04/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,25	Bản Huổi Dáng	Mường Hung	Sơn La
19	Mùa A	Son	04/11/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Búa Hụn	Nậm Ty	Sơn La
20	Lường Văn	Lương	15/08/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,05	Bản Nà Lốc II	Chiềng Sơ	Sơn La
21	Giàng A	Vự	12/02/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,85	Bản Háng Xía	Bó Sinh	Sơn La
22	Vì Văn	Hung	05/05/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,75	Bản Hát So	Mường Hung	Sơn La
23	Lò Anh	Hiệu	18/04/2009	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Bản Phòng Sài	Sông Mã	Sơn La
24	Lò Văn	Lâm	25/04/2010	Nam	Xinh Mun	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Bản Nà Luồng	Chiềng Sơ	Sơn La
25	Lò Vũ	Huy	24/11/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,55	Bản Đứa	Chiềng Sơ	Sơn La
26	Lường Trường	Giang	25/12/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,45	Bản Củ	Phiêng Cầm	Sơn La
27	Lò Văn	Huy	07/01/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,45	Bản Púng Hày	Huổi Một	Sơn La
28	Cầm Đức	Thiệp	07/08/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,35	Bản Nong Tàu Thái	Phiêng Cầm	Sơn La
29	Mùa Vạng	Chống	12/02/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Xà Nghè	Phiêng Cầm	Sơn La
30	Vì Văn	Vấn	20/11/2010	Nam	Xinh Mun	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Nà Luồng	Chiềng Sơ	Sơn La
31	Lò Văn	Toán	10/04/2010	Nam	Sinh Mun	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,15	Bản Sào Và	Sông Mã	Sơn La
32	Tòng Duy	Thành	07/11/2010	Nam	Thái	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,15	Bản Luán	Chiềng Sơ	Sơn La
33	Sộng A	Dia	10/03/2010	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,05	Bản Lọng Lăn	Sông Mã	Sơn La
34	Vì Văn	Mạnh	10/03/2010	Nam	Xinh Mun	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	17,95	Bản Huổi Cỏi	Sông Mã	Sơn La
35	Sộng Tiểu Long	Thành	13/04/2009	Nam	Mông	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	17,75	Bản Co Hỉnh	Phiêng Cầm	Sơn La
36	Nguyễn Tùng	Khánh	10/02/2008	Nam	Kinh	9/12	5580212	Điện -nước	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	15,85	Tổ 6	Sông Mã	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
III	Trồng trọt và bảo vệ thực vật												
1	Hồ Thị	Hua	26/07/2009	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Hóa học, Sinh học	19,95	Bản Xum Côn	Sông Mã	Sơn La
2	Cà Văn	Bính	15/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,45	Bản Huổi Tư Hua Và	Nậm Ty	Sơn La
3	Và Thị Áa	Ong	05/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,15	Bản Phiêng Phụ	Phiêng Cầm	Sơn La
4	Lường Thị	Lương	03/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,75	Bản Hua Lưng	Bó Sinh	Sơn La
5	Hồ Thị Pạ	Xi	07/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,75	Bản Ít Lót	Mường Hung	Sơn La
6	Vừ Thị	Manh	13/02/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Bản Pha Hấp	Bó Sinh	Sơn La
7	Sùng Thị	May	20/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Pá Men	Nậm Ty	Sơn La
8	Lò Thị	Tính	23/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,15	Bản Co Tông	Bó Sinh	Sơn La
9	Vàng A	Xong	13/07/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,05	Bản Háng Lia	Chiềng Khoong	Sơn La
10	Vàng Thị	Di	13/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Bản Háng Xía	Bó Sinh	Sơn La
11	Sộng A	Giống	14/07/2008	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Bản Nà Bó	Bó Sinh	Sơn La
12	Lò Thị	Hương	17/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Co Kiềng	Huổi Một	Sơn La
13	Lò Việt	Lim	20/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Nuốt Còn	Nậm Ty	Sơn La
14	Lù Thị	Cu	13/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Pá Nó	Mường Hung	Sơn La
15	Giàng Hoà	Minh	11/03/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Phiêng Phụ	Phiêng Cầm	Sơn La
16	Chá A	Đa	19/09/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	Bản Nà Bó	Bó Sinh	Sơn La
17	Lù Thị Anh	Thơ	06/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	Bản Co Hỉnh	Phiêng Cầm	Sơn La
18	Lò Thị Mĩ	Khuyên	08/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Nuốt Còn	Nậm Ty	Sơn La
19	Và Thị	Sai	05/05/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Cang Cói	Huổi Một	Sơn La
20	Lù Thị	Chư	22/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Lọng Hòm	Phiêng Cầm	Sơn La
21	Giàng A	Pó	14/04/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Cang Cói	Huổi Một	Sơn La
22	Thào Thị	Bao	09/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,35	Bản Nộc Cốc	Mường Lầm	Sơn La
23	Vàng Công	Minh	05/10/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,05	Bản Phiêng Phụ	Phiêng Cầm	Sơn La
24	Quảng Văn	Anh	10/09/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,95	Bản Co Tông	Bó Sinh	Sơn La
25	Cút Thị Hoàng	Uyên	05/01/2010	Nữ	Khơ Mú	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Huổi Ỏi	Mường Hung	Sơn La
26	Hờ A	Cho	19/02/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Tin Tiến	Chiềng Sơ	Sơn La
27	Vì Văn	Xao	27/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,75	Bản Nà Sặng	Chiềng Sơ	Sơn La
28	Và Thị	Sông	15/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Bản Nong Léch	Sông Mã	Sơn La
29	Vàng A	Chơ	07/05/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Pá Nó	Mường Hung	Sơn La
30	Thào Nênh	Pó	17/08/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Huổi Tao	Mường Hung	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
31	Lò Văn	Mười	20/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,25	Bản Chéo	Nậm Ty	Sơn La
32	Lầu Nụ	Tênh	29/11/2009	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Khua Họ	Huổi Một	Sơn La
33	Giàng A	Chu	15/12/2009	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,75	Bản Huổi Khe	Chiềng Khoong	Sơn La
34	Lường Văn	Bằng	05/08/2008	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,25	Bản Nà Nghịu II	Sông Mã	Sơn La
35	Lò Văn	Thân	16/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,05	Bản Nà Nong	Mường Hung	Sơn La
36	Lò Thị Kiều	Oanh	17/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	16,45	Bản Nang Cầu	Huổi Một	Sơn La
IV.	Chăn nuôi- Thú y												
1	Giàng Thị	Dừa	29/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,95	Bản Phổng 2	Bó Sinh	Sơn La
2	Vừ Thị	Ia	12/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,75	Bản Nà Bon	Mường Hung	Sơn La
3	Lò Thị Kim	Ngân	09/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,75	Bản Bó Sán	Chiềng Khoong	Sơn La
4	Lường Thị Như	Ngọc	22/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,75	Bản Búa Hụn	Nậm Ty	Sơn La
5	Vừ Thị	Thu	25/11/2009	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,45	Bản Nong Tàu Thái	Phiêng Cầm	Sơn La
6	Giàng Thị	Đênh	28/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,25	Bản Phòng Sài	Sông Mã	Sơn La
7	Mùa Thị Pạn	Dênh	21/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,15	Bản Xà Nghè	Phiêng Cầm	Sơn La
8	Lò Cầm	Doãn	01/09/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,15	Bản Lọng Lăn	Sông Mã	Sơn La
9	Sộng Thị Mái	Hồng	28/03/2009	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	22,05	Bản Hấp	Bó Sinh	Sơn La
10	Hờ Mai	Si	14/05/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	21,95	Bản Luán	Chiềng Sơ	Sơn La
11	Cầm Thị	Điệp	17/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	21,45	Bản Púng Kiểng	Chiềng Khoong	Sơn La
12	SòNg Thị	Sênh	01/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,95	Bản Púng	Chiềng Khoong	Sơn La
13	Sòng Thị Máy	Xi	25/02/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,85	Bản Háng Xía	Bó Sinh	Sơn La
14	Giàng Anh	Xuân	21/10/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,85	Bản Pá Ban	Huổi Một	Sơn La
15	Hàng Thị	Mú	19/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,65	Bản Huổi Cỏi	Sông Mã	Sơn La
16	Và Xạ	Kong	28/06/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,55	Tổ 6	Sông Mã	Sơn La
17	Mùa Thị	Thu	17/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,55	Bản Phiêng Tòng	Sông Mã	Sơn La
18	Vàng Thị	Nồng	06/03/2009	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,35	Bản Pá Ca	Bó Sinh	Sơn La
19	Vàng A	Phông	04/11/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	20,05	Bản Sài Khao	Chiềng Khoong	Sơn La
20	Sùng A	Vàng	30/07/2009	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,95	Bản Công	Chiềng Sơ	Sơn La
21	Vừ A	Sử	27/07/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,85	Bản Huổi Dáng	Mường Hung	Sơn La
22	Giàng Thị	Sinh	30/12/2009	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,85	Bản Co Hỉnh	Phiêng Cầm	Sơn La
23	Lò Thị	Hiếu	23/11/2010	Nữ	Xinh Mun	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,65	Bản Hát So	Mường Hung	Sơn La
24	Và Thị	Thu	29/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,35	Bản Nà Luồng	Chiềng Sơ	Sơn La
25	Giàng A	Đê	23/10/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,15	Bản Xi Lô	Chiềng Khoong	Sơn La

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
										Bản	Xã/Phường	Tỉnh
26	Lò Thị Ly	17/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	19,05	Bản Nà Lốc II	Chiềng Sơ	Sơn La
27	Và Thị Mai Ca	15/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,95	Bản Chiềng Vàng	Nậm Ty	Sơn La
28	Lò Thị Thùy Dương	16/05/2009	Nữ	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,95	Bản Nang Cầu	Sông Mã	Sơn La
29	Vừ A Pó	11/02/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,85	Bản Huổi Khoang	Huổi Một	Sơn La
30	Lường Bảo Quyên	23/08/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,85	Bản Sào Và	Sông Mã	Sơn La
31	Lò Văn Đạt	13/05/2010	Nam	Khơ Mú	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,85	Bản Củ	Phiềng Cầm	Sơn La
32	Cà Văn Hậu	06/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,65	Bản Đứa	Chiềng Sơ	Sơn La
33	Lò Minh Khang	30/06/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,55	Bản Tạng Sòn	Sông Mã	Sơn La
34	Lò Tuấn Điệp	28/07/2010	Nam	Xinh Mun	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	18,35	Bản Púng Hày	Huổi Một	Sơn La
35	Cà Đức Khang	21/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	17,55	Bản Nà Luồng	Chiềng Sơ	Sơn La
36	Mùa A Hồng	27/11/2010	Nam	Mông	9/12	5620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Ngữ văn- KHTN	17,35	Bản Mường Hung	Mường Hung	Sơn La
D	Trung tâm GDTX Mường La											
I	Văn thư hành chính											
1	Hờ Thị Diên	08/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	25,5	Bản Huổi Chèo	Chiềng Lao	Sơn La
2	Lò Thị Hà Uyên	28/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	25,5	Bản Huổi Pản	Mường Khiêng	Sơn La
3	Lường Thị Kim	17/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	25,0	Bản Hua Nậm	Mường La	Sơn La
4	Lò Thị Yên	01/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,5	Bản Lè	Chiềng Lao	Sơn La
5	Lò Thị Nhân	29/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,4	Bản Nong Xưa	Chiềng Hoa	Sơn La
6	Quảng Thị Nhân	22/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,2	Bản Nong Xưa	Chiềng Hoa	Sơn La
7	Lò Thị Liên	26/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,1	Bản Phày	Ngọc Chiến	Sơn La
8	Vạ A Lương	19/11/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,8	Bản Đen Đin	Chiềng Lao	Sơn La
9	Ly Thị Yên	04/05/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,5	Bản Lọng Sán	Chiềng Hoa	Sơn La
10	Cà Kim Cúc	31/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,4	Bản Xu Xám	Chiềng Lao	Sơn La
11	Lường Thị Duyên	24/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,2	Bản Nhạp	Chiềng Lao	Sơn La
12	Lò Thị Kim Oanh	20/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,0	Bản Tạ Bú	Mường Bú	Sơn La
13	Sùng Thị Hoa	25/02/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,0	Bản Mới	Chiềng Hoa	Sơn La
14	Vạ A Lương	14/05/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,6	Bản Đen Đin	Chiềng Lao	Sơn La
15	Lò Thị Mần	15/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,3	Bản Áng Nghịu	Chiềng Hoa	Sơn La
16	Thào Thị Pạ Tênh	18/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,2	Bản Pá Han	Chiềng Lao	Sơn La
17	Lò Thị Vi Cầm	20/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,0	Tiểu Khu Mé Liu	Mường La	Sơn La
18	Lầu Thị Hương Lan	23/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,8	Bản Chom Cọ	Mường Bú	Sơn La
19	Lường Văn Hùng	19/10/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,3	Bản Pháy Hượn	Chiềng Hoa	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
20	Cà Văn	Tuấn	26/05/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,2	Bản Lè	Chiềng Lao	Sơn La
21	Tòng Thị Quỳnh	Chi	21/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,2	Bản Nà Sản	Chiềng Lao	Sơn La
22	Lò Duy	Quang	18/12/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,9	Bản Pó	Chiềng Lao	Sơn La
23	Cứ Thị	Dở	22/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,3	Bản Nong Hoi Dưới	Chiềng Hoa	Sơn La
24	Lò Thị Lệ	Quyên	25/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,1	Bản Cang Bó Ban	Mường La	Sơn La
25	Quảng Thị	Tâm	21/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,8	Bản Nà Cường	Chiềng Lao	Sơn La
26	Giàng A	Ly	29/12/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,7	Bản Hua Kim	Mường La	Sơn La
27	Mùa A	Tộng	28/10/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,7	Bản Púng Ngùa	Chiềng Lao	Sơn La
28	Quảng Quốc	Dâng	01/11/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,6	Bản Pi	Mường La	Sơn La
29	Lò Thị	Mai	05/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,4	Bản Phiêng Cại	Chiềng Lao	Sơn La
30	Vàng Thị	Xia	19/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,3	Bản Pá Hậu	Chiềng Lao	Sơn La
31	Lò Hải	Anh	30/03/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,3	Bản Léch	Chiềng Lao	Sơn La
32	Mùa Anh	Phó	15/12/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,3	Bản Đán Én	Chiềng Lao	Sơn La
33	Lầu Trường	Giang	19/12/2009	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,2	Bản Nà Chạy	Mường Bú	Sơn La
34	Và Thị	Phuong	25/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,2	Bản Pá Hậu	Chiềng Lao	Sơn La
35	Mùa Thị Hồng	Vân	22/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,2	Bản Tảo Ván Mới	Chiềng Hoa	Sơn La
36	Mùa Thị Thanh	Tâm	03/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư hành chính	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,1	Bản Pá Hậu	Chiềng Lao	Sơn La
II	Lâm sinh												
1	Hàng Thị	Thanh	11/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	26,65	Bản Cát Linh	Mường La	Sơn La
2	Quảng Thị	Nguyệt	28/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,95	Bản Nong Xưa	Chiềng Hoa	Sơn La
3	Quảng Thị	Linh	16/01/2010	Nữ	Kháng	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,55	Bản Huổi Ngán	Chiềng Lao	Sơn La
4	Hờ Thị	Công	13/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,05	Bản Huổi Sản	Chiềng Hoa	Sơn La
5	Vàng A	Trộng	05/09/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,45	Bản Pá Han	Chiềng Lao	Sơn La
6	Ly Thị	Hoa	14/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,05	Bản Đen Đin	Chiềng Lao	Sơn La
7	Hàng A	Mông	27/08/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,85	Bản Cát Linh	Mường La	Sơn La
8	Quảng Thị	Nguyệt	26/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,85	Bản Hua Nặm	Mường La	Sơn La
9	Giàng A	Hong	23/05/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,75	Bản Cát Linh	Mường La	Sơn La
10	Cà Thị Quỳnh	Anh	04/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,75	Bản Phiêng Hua Nà	Mường La	Sơn La
11	Giàng Thị	Hồng	17/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Tóc Tát trên	Chiềng Hoa	Sơn La
12	Tòng Thị Minh	Hằng	03/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Pó	Chiềng Lao	Sơn La
13	Cứ Thị	Xanh	18/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,05	Bản Nong Hoi Dưới	Chiềng Hoa	Sơn La
14	Hàng Văn	Tộng	23/09/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,95	Bản Cát Linh	Mường La	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
15	Lù A	Sênh	18/06/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Hán Cá Thệnh	Chiềng Hoa	Sơn La
16	Lò Minh	Đức	09/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Chiến	Mường La	Sơn La
17	Lèo Thị	Bình	03/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Phầy	Ngọc Chiến	Sơn La
18	Sùng A	Trông	02/07/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Tóc Tát Dưới	Chiềng Hoa	Sơn La
19	Giàng A	Nhìa	14/01/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Co Sủ Trên	Chiềng Hoa	Sơn La
20	Lầu A	Ba	15/08/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Pháy Hượn	Chiềng Hoa	Sơn La
21	Lầu Thị	Sia	15/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Pháy Hượn	Chiềng Hoa	Sơn La
22	Vì Duy	Anh	30/04/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Tạ Mạ	Liệp Tè	Sơn La
23	Lò Văn	Nghiêm	07/01/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Phiêng Cại	Chiềng Lao	Sơn La
24	Sùng Thị	Daừ	13/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Bản Lạng Xua	Chiềng Hoa	Sơn La
25	Vạ A	Hồ	01/07/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Lọng Sắn	Chiềng Hoa	Sơn La
26	Giàng Thị	Dang	01/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Co Sủ Trên	Chiềng Hoa	Sơn La
27	Lường văn	Hoàn	09/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,95	Bản Khau Ban	Mường La	Sơn La
28	Ly A	Sênh	21/02/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,85	Bản Huổi Pươi	Chiềng Lao	Sơn La
29	Vừ A	Long	18/07/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,65	Bản Thắm Hon	Mường Bú	Sơn La
30	Lù A Chư	Nênh	05/10/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Hán Cá Thệnh	Chiềng Hoa	Sơn La
31	Mùa A	Hai	01/08/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Đán Én	Chiềng Lao	Sơn La
32	Mùa A	Hồng	26/08/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,45	Bản Nậm Cùm	Chiềng Lao	Sơn La
33	Lò Việt	Hoàng	15/07/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Phiêng Cại	Chiềng Lao	Sơn La
34	Lý Thị	Phuong	25/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Đán Én	Chiềng Lao	Sơn La
35	Vạ A	Hủa	05/02/2010	Nam	Mông	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Đin Lanh	Chiềng Lao	Sơn La
36	Lò Văn	Tuấn	20/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620202	Lâm sinh	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Tong	Mường La	Sơn La
E	Trung tâm GDTX Thuận Châu												
I	Trồng trọt và bảo vệ thực vật												Sơn La
1	Sùng Thị	Mai	5/10/2009	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Hóa học, Sinh học	22,15	Bản Pá Hóc	Xã Mường É	Sơn La
2	Cà Văn	Hải	25/7/2009	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Hóa học, Sinh học	21,65	Bôm Kham	Xã Mường Bám	Sơn La
3	Bạc Thị Phương	Ly	28/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	25,55	Bản Hóc	Xã Mường Khiêng	Sơn La
4	Lò Anh	Huy	03/04/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,85	Bản bai	Xã Thuận Châu	Sơn La
5	Lường Văn	Tuấn	05/05/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,75	Bản Phặng	Xã Muối Nội	Sơn La
6	Quảng Thị	Phản	15/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,25	Bản Bon	Xã Mường Khiêng	Sơn La
7	Lò Văn	Khanh	24/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,05	Bản Nà Lạn	Xã Thuận Châu	Sơn La

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
										Bản	Xã/Phường	Tỉnh
8	Lò Văn Lâm	08/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,75	Bản Sào Và	Xã Mường Khiêng	Sơn La
9	Lò Văn Việt	18/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,65	Bản Cang	Xã Mường Khiêng	Sơn La
10	Lường Thị Nga	5/11/2009	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,55	Bản Co Phường	Xã Mường Khiêng	Sơn La
11	Cà Hoàng Hân	24/9/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,55	Bản Mỏ	Xã Nậm Lầu	Sơn La
12	Bùi Thị Ly	14/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,45	Bản Liên Minh	Xã Chiềng La	Sơn La
13	Lù Vĩnh Phú	10/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,05	Bản Lót Măn	Xã Mường Khiêng	Sơn La
14	Lường Văn Quyền	12/08/2010	Nam	La Ha	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,95	Bản Thôm 2	Xã Thuận Châu	Sơn La
15	Lường Văn Đạt	4/3/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,85	Bản Púng A	Xã Nậm Lầu	Sơn La
16	Lường Thị Quỳnh	27/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,85	Bản Cọ	Xã Chiềng La	Sơn La
17	Quàng Thị Như	01/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,55	Bản Sắng	Xã Chiềng La	Sơn La
18	Bạc Cầm Dũng	14/05/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,25	Bản Khiêng	Xã Mường Khiêng	Sơn La
19	Lường Thị Hằng	28/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,75	Bản Lè	Xã Chiềng La	Sơn La
20	Lò Long Tuyền	03/06/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Mươi	Xã Mường Khiêng	Sơn La
21	Lường Văn Ngọc	26/1/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Cang	Xã Thuận Châu	Sơn La
22	Lường Văn Thái	17/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Bó	Xã Mường Khiêng	Sơn La
23	Lò Minh Thành	06/11/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Lào	Xã Chiềng La	Sơn La
24	Lò Văn Thắng	01/09/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Tra	Xã Mường Khiêng	Sơn La
25	Tòng Thị Thu Thảo	11/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	Bản Chiềng Cang	Xã Chiềng La	Sơn La
26	Lò Thị Khánh	25/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Chiềng La	Xã Chiềng La	Sơn La
27	Quàng Thị Phương	02/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Chộ Muông	Xã Bình Thuận	Sơn La
28	Lò Anh Năm	03/02/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Cự	Xã Thuận Châu	Sơn La
29	Cà Mạnh Linh	03/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Máy	Xã Thuận Châu	Sơn La
30	Mao Thanh Thiên	10/01/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Liên Minh	Xã Chiềng La	Sơn La
31	Lò Quốc Việt	19/05/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Lót Măn	Xã Mường Khiêng	Sơn La
32	Lò Thị In	1/6/2009	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,95	Bản Láng Hát	Xã Nậm Lầu	Sơn La
33	Lò Văn Hưng	12/04/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Nhóc	Xã Mường Khiêng	Sơn La
34	Thào A Trường	20/4/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,95	Bản Long Hẹ	Xã Nong Hẹ	Sơn La
35	Tòng Văn Khôi	05/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,35	Bản Chiềng Cang	Xã Chiềng La	Sơn La

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
										Bản	Xã/Phường	Tỉnh
36	Quảng Văn Điệp	22/11/2009	Nam	Kinh	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	16,45	Bản Bai	Xã Thuận Châu	Sơn La
II.	Bảo vệ môi trường, đô thị											
1	Lò Thị Hạnh	01/04/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	26,65	Bản Công Mường	Thuận Châu	Sơn La
2	Ly Thị Mai	27/05/2010	Nữ	Mông	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	25,85	Bản Huổi Lán	Chiềng La	Sơn La
3	Lò Thị Trang	09/02/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,45	Bản Pù Bâu	Chiềng La	Sơn La
4	Cà Thị Hoàng	26/10/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	24,05	Bản Chao Mùa	Chiềng La	Sơn La
5	Lò Thị Ngân	26/02/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,95	Bản Thăm	Thuận Châu	Sơn La
6	Quảng Thị Linh	06/09/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,95	Bản Tam	Chiềng La	Sơn La
7	Cà Thị Hằng	10/02/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,95	Bản Chăn	Muổi Nọi	Sơn La
8	Lường Tiến Đạt	06/05/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,85	Bản Mòng Luông	Mường Khiêng	Sơn La
9	Cà Văn Duy	08/02/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,65	Bản Tòng	Nậm Lầu	Sơn La
10	Lò Thị Hồng	24/06/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,65	Bản Hợp Nhất 2	Thuận Châu	Sơn La
11	Cà Thuý Linh	08/02/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,15	Bản Nong Bon	Mường Khiêng	Sơn La
12	Lò Thị Thương	10/08/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,15	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La
13	Lường Văn Nghĩa	24/06/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,95	Bản Nam Han	Mường Khiêng	Sơn La
14	Lường Văn Lâm	23/02/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Bản Hòm	Nậm Lầu	Sơn La
15	Vừ A Dơ	07/11/2010	Nam	Mông	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,65	Bản Pá Cháo B	Co Mạ	Sơn La
16	Vì Thị Diệp Mai	16/10/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,55	Bản Cún	Nậm Lầu	Sơn La
17	Lò Thị My	25/11/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,45	Bản Tát	Muổi Nọi	Sơn La
18	Quảng Minh Vũ	08/03/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Mười	Mường Khiêng	Sơn La
19	Lường Mạnh Quân	16/12/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Dừn	Thuận Châu	Sơn La
20	Quảng Văn Đồng	28/10/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Lọng Lầu	Nậm Lầu	Sơn La
21	Quảng Thị Hạnh	25/06/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,25	Bản Thôm 2	Thuận Châu	Sơn La
22	Lò Thị Duyên	29/07/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,05	Bản Púng	Nậm Lầu	Sơn La
23	Cà Thị Quỳnh	12/08/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,95	Bản Bon	Mường Khiêng	Sơn La
24	Lò Việt Hoàng	16/02/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,85	Bản Chiềng Pắc	Thuận Châu	Sơn La
25	Lò Khánh Đạt	27/12/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,65	Bản Sai Chiên	Bình Thuận	Sơn La
26	Cà Văn Đức	05/01/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,55	Bản Sắng	Chiềng La	Sơn La
27	Quảng Mạnh Huy	28/09/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Mười	Mường Khiêng	Sơn La
28	Cà Văn Nhân	20/08/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Chăn	Muổi Nọi	Sơn La
29	Lò Thị Ngọc Huyền	27/06/2010	Nữ	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Thông Nhất B	Thuận Châu	Sơn La
30	Vừ Thị Thái Lan	29/09/2009	Nữ	Mông	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,65	Bản Há Khúa	Co Mạ	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
31	Lò Văn	Dương	22/06/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,15	Bản Co Khét	Mường Khiêng	Sơn La
32	Quảng Văn	Nghệ	19/10/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,05	Bản Công Mường	Thuận Châu	Sơn La
33	Lò Văn	Nguyên	16/10/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,75	Bản Ngà Phát	Bình Thuận	Sơn La
34	Cà Văn	Thắng	30/3/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,65	Bản Mỏ	Nậm Lầu	Sơn La
35	Cà Mạnh	Dũng	04/05/2010	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,35	Bản Lá Lôm	Chiềng La	Sơn La
36	Quảng Văn	Phi	04/08/2009	Nam	Thái	9/12	58501104	Bảo vệ môi trường, đô thị	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,75	Bản Lầy	Muối Nọi	Sơn La
G	Trung tâm GDTX Yên Châu												
I	Công tác xã hội												
1	Lò Thị Quỳnh	Ly	17/6/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	25,65	Bản Hiêm	Yên Châu	Sơn La
2	Lò Thị	Kiều	12/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	25,25	Bản Chiềng Sàng	Yên Châu	Sơn La
3	Hoàng Thị Thu	Hoài	14/8/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,75	Bản Suối Bùn	Chiềng Hặc	Sơn La
4	Lò Thị Minh	Huệ	15/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,45	Bản Ala	Yên Sơn	Sơn La
5	Hoàng Khánh	Ly	20/4/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,45	Bản Chiềng Sàng	Yên Châu	Sơn La
6	Hoàng Thị Ngọc	Hân	25/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,15	Bản Thèn Luông	Yên Châu	Sơn La
7	Lò Thị Diệu	Ly	21/4/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,15	Bản Đán	Yên Châu	Sơn La
8	Lò Thị Mai	Hương	22/02/2010	Nữ	Dao	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,05	Bản En	Chiềng Sại	Sơn La
9	Quảng Thanh	Tùng	05/5/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,95	Bản Luông Mé	Yên Châu	Sơn La
10	Mùa Thị Ngọc	Dợ	24/3/2010	Nữ	Mông	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,95	Bản Hang Hóc	Chiềng Hặc	Sơn La
11	Hoàng Hải	Khuyên	10/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,95	Bản Đán	Yên Châu	Sơn La
12	Hoàng Thị Xuân	Mai	29/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,85	Bản Thèn Luông	Yên Châu	Sơn La
13	Mùa Thị	Cổng	22/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,75	Bản Chi Đáy	Chiềng Hặc	Sơn La
14	Quảng Anh	Văn	04/11/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,55	Bản Lắc Phiêng	Chiềng Hặc	Sơn La
15	Mùa Mạnh	Son	13/3/2009	Nam	Mông	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,45	Bản Suối Trắng	Chiềng Sại	Sơn La
16	Lò Kiều	Hân	16/5/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,45	Bản Huổi Mong	Chiềng Hặc	Sơn La
17	Hoàng Thị	Ly	26/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,45	Bản Luông Mé	Yên Châu	Sơn La
18	Lò Thị	Đào	20/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,25	Tiểu khu Bất Đông	Yên Châu	Sơn La
19	Quảng Thị My	Sa	13/6/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,15	Bản Lắc Phiêng	Chiềng Hặc	Sơn La
20	Lò Thị Yên	Chi	07/8/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,95	Bản Hiêm	Yên Châu	Sơn La
21	Quảng Văn	Sâm	14/11/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,95	Bản Luông Mé	Yên Châu	Sơn La
22	Lò Diễm	Huyền	07/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,95	Bản Huổi Mong	Chiềng Hặc	Sơn La
23	Hoàng Thanh	Tùng	06/8/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,85	Bản Ngựa	Yên Châu	Sơn La
24	Quảng Duy	Thăng	11/10/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,65	Bản Na Pa	Yên Châu	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
25	Vì Quốc	Sinh	07/6/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,55	Bản Tà Làng Cao	Chiềng Hặc	Sơn La
26	Lừ Ngọc	Hân	28/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,55	Bản Boong Xanh	Yên Châu	Sơn La
27	Lường Thị Tâm	Đan	26/3/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,25	Bản Ngựa	Yên Châu	Sơn La
28	Hoàng Minh	Vũ	21/6/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,15	Bản Lắc Kén	Yên Châu	Sơn La
29	Lò Minh	Tú	23/01/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,85	Bản Nậm Ún	Yên Châu	Sơn La
30	Lò Thị Bình	Bình	03/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,85	Bản Mơ Tươi	Lóng Phiêng	Sơn La
31	Quảng Thu	Hằng	24/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,85	Bản Boong Xanh	Yên Châu	Sơn La
32	Thào A	Dũng	26/3/2010	Nam	Mông	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,65	Bản Huổi Siêu	Yên Châu	Sơn La
33	Hoàng Thị Như	Diệu	24/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,65	Bản Phát	Yên Châu	Sơn La
34	Quảng Đức	Linh	02/8/2010	Nam	Thái	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,15	Bản Tà Vài	Chiềng Hặc	Sơn La
35	Nguyễn Văn	Quý	22/12/2010	Nam	Kinh	9/12	5760101	Công tác xã hội	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,15	Bản Boong Xanh	Yên Châu	Sơn La
H	Trung tâm GDTX Quỳnh Nhai												
I	Nghiệp vụ bán hàng												
1	Hoàng Thị	Hậu	18/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	26,85	Bản Quyền	Mường Chiên	Sơn La
2	Lò Thị Tâm	Như	28/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	25,05	Bản Xe	Quỳnh Nhai	Sơn La
3	Lò Thị Hồng	Diệp	30/10/2010	Nữ	Kháng	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,65	Bản Huổi Ná	Quỳnh Nhai	Sơn La
4	Lò Thị Diệu	Linh	14/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,55	Bản Quyền	Mường Chiên	Sơn La
5	Hà Thị	Lan	30/04/2010	Nữ	Mường	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	23,25	Bản Xe	Quỳnh Nhai	Sơn La
6	Lù Thị	Hà	13/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,95	Bản Cang	Quỳnh Nhai	Sơn La
7	Lò Thị	Anh	27/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,55	Bản Nậm Tấu	Mường Chiên	Sơn La
8	Lò Thế	Cường	13/04/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Mường Chiên	Bình Thuận	Sơn La
9	Vừ A	Phóng	14/09/2010	Nam	Mông	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	22,35	Bản Phiêng Ban	Quỳnh Nhai	Sơn La
10	Lò Ánh	Duy	12/07/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,65	Bản Ba Nhất	Quỳnh Nhai	Sơn La
11	Tòng Văn	Vũ	25/10/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Đông	Quỳnh Nhai	Sơn La
12	Lò Thị	Kim	22/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,45	Bản Hán	Quỳnh Nhai	Sơn La
13	Lò Văn	Liu	23/12/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Bản He	Quỳnh Nhai	Sơn La
14	Cà Tuấn	Trường	30/04/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,35	Bản Xe	Quỳnh Nhai	Sơn La
15	Ngần Văn	Hùng	16/01/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Tiểu khu Kiếu Hát	Quỳnh Nhai	Sơn La
16	La Thị	Nhung	30/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,25	Bản Pá Le	Mường Giôn	Sơn La
17	Lò Thị	Mấn	12/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,15	Bản Phướng	Mường Chiên	Sơn La
18	Lò Quỳnh	Mai	11/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	21,05	Bản Pá Le	Mường Giôn	Sơn La
19	Quảng Văn	Khánh	10/08/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiệp vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	Bản Cha Có	Mường Giôn	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
20	Lò Thị Hà	Ngân	28/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,95	Bản Quyền	Mường Chiên	Sơn La
21	Lò Thị	Khởi	14/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Pá le	Mường Giôn	Sơn La
22	Lò Mai	Kiên	23/09/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,85	Bản Ba Nhất	Quỳnh Nhai	Sơn La
23	Lò Đức	Mạnh	15/05/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,75	Bản Bon	Mường Chiên	Sơn La
24	Quảng Thị	Hiền	17/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,45	Bản Lọng Mương	Mường Giôn	Sơn La
25	Tòng Văn	Bằng	29/8/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Bản Hua Chai	Quỳnh Nhai	Sơn La
26	Lù Huy Hoàng	Nam	11/07/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	20,25	Tiểu Khu 2	Quỳnh Nhai	Sơn La
27	Đieu Gia	Bảo	04/12/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,75	Bản Cà Nàng	Mường Chiên	Sơn La
28	Sùng A	Hồng	08/02/2010	Nam	Mông	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,55	Bản Cổng Chập	Bình Thuận	Sơn La
29	Lò Văn	Việt	20/11/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,25	Bản Huổi Ná	Quỳnh Nhai	Sơn La
30	Tòng Ngọc	Khải	09/01/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Khoang	Mường Giôn	Sơn La
31	Hà Văn	Mạnh	11/09/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	19,15	Bản Pá Le	Mường Giôn	Sơn La
32	Tòng Hồng	Quân	02/02/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,95	Bản Khoang	Mường Giôn	Sơn La
33	Đieu Chính	Việt	16/10/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,95	Bản Quỳnh Phở	Chiềng Đen	Sơn La
34	Cầm Đức	Trí	27/08/2010	Nam	Thái	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	18,65	Bản Nà Cà	Mường Chanh	Sơn La
35	Nguyễn Văn	Tú	13/09/2010	Nam	Kinh	9/12	5340119	Nghiep vụ bán hàng	Toán học, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên	16,05	Tiểu khu 7	Mai Sơn	Sơn La
I	Tại Trung tâm GDTX Mộc Châu												
I	Hướng dẫn du lịch												
1	Nguyễn Thị	May	23/01/2002	Nữ	Kinh	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23,55	Tổ dân phố 19/8	Mộc Châu	Sơn La
2	Đặng Thị	Húu	15/10/2009	Nữ	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	23,15	Bản Thống Nhất	Đoàn Kết	Sơn La
3	Hoàng Hải	Đăng	22/11/2008	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	20,75	Bản Mường Lựm	Chiềng Hặc	Sơn La
4	Vàng Lao	Đăng	27/10/2009	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	19,45	Bản Đin Chí	Yên Sơn	Sơn La
5	Tráng Thị	Dông	10/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	23,55	Bản Phiêng Cài	Lóng Sập	Sơn La
6	Lò Trần Quỳnh	Hương	17/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,25	Tổ 1	Chiềng Cơi	Sơn La
7	Vì Đức	Việt	12/11/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,25	Bản Phát	Lóng Sập	Sơn La
8	Triệu Thị	Lâm	04/12/2010	Nữ	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,75	Tổ dân Phố Liên Hợp	Vân Sơn	Sơn La
9	Hà Thị Thanh	Thảo	13/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,75	Bản Dúp Kén	Chiềng Sơn	Sơn La
10	Thào Thị	Chú	06/12/2009	Nữ	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,55	Bản Pá Khôm	Chiềng Hặc	Sơn La
11	Đinh Đức	Mạnh	14/03/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,45	Bản Nà Sài	Đoàn Kết	Sơn La
12	Mùi Thị Vân	Anh	15/08/2010	Nữ	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,35	Bản Tầm Phế	Song Khủa	Sơn La
13	Mùa A	Sê	10/10/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,35	Bản Suối Đon	Lóng Sập	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
14	Hà Thị	Hoài	07/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,15	Bản Dúp Kén	Chiềng Sơn	Sơn La
15	Tráng A	Thê	19/03/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,15	Bản A Lá	Lóng Sập	Sơn La
16	Đình Việt	Bắc	23/11/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,05	Bản Sao Tua	Tân Yên	Sơn La
17	Tráng A	Dia	12/03/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,85	Bản Pha Nhên	Lóng Sập	Sơn La
18	Bàn Việt	Anh	23/09/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,55	Bản Sầm Nặm	Đoàn Kết	Sơn La
19	Tráng A	Khoa	30/06/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,35	Bản Pha Nhên	Lóng Sập	Sơn La
20	Mùi Tuấn	Kiệt	02/11/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,25	Bản Nà Mý	Tân Yên	Sơn La
21	Bàn Anh	Văn	26/02/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,25	Bản Suối Ngõa	Đoàn Kết	Sơn La
22	Mùa A	Thào	17/09/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,15	Bản Láy	Xuân Nha	Sơn La
23	Phàng Văn	Trung	29/08/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,05	Bản Bó Hin	Lóng Phiêng	Sơn La
24	Vàng Xuân	Đông	10/03/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,05	Bản Bó Kiếng	Chiềng Hặc	Sơn La
25	Dừ Xuân	Biên	18/04/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,95	Bản Trọng	Lóng Sập	Sơn La
26	Nguyễn Hoàng	Long	19/05/2010	Nam	San Chí	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,05	Phú Hưng	Sơn Động	Bắc Giang
27	Vàng Minh	Dương	23/12/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,55	Bản Bó Kiếng	Chiềng Hặc	Sơn La
28	Lý Thành	Công	10/10/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,45	Bản Chiềng Đa	Tô Múa	Sơn La
29	Hà Hải	Anh	09/11/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,15	Bản Nà An	Xuân Nha	Sơn La
30	Hà Đức	Trường	27/10/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,35	Bản Mường Tè	Song Khùa	Sơn La
K	Trung tâm GDTX Vân Hồ												
I	Hướng dẫn du lịch												
1	Triệu Hồng	Nhung	08/07/2009	Nữ	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25,45	TDP Đoàn Kết	Vân Sơn	Sơn La
2	Đặng Huyền	Nga	22/04/2009	Nữ	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22,35	Bản Pà Puộc	Vân Hồ	Sơn La
3	Mùi Minh	Tiếp	18/11/2009	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	19,15	Bản Hình	Song Khùa	Sơn La
4	Hà Văn	Long	02/10/2009	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	19,05	Bản Yên Thành	Vân Hồ	Sơn La
5	Vì Thị Phương	Nhi	06/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	24,05	Bản Đông Tà Lào	Xuân Nha	Sơn La
6	Đặng Đức	Hào	04/03/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,45	Bản Nà Bai	Vân Hồ	Sơn La
7	Hà Bảo	Nam	19/04/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	22,15	Bản Ngà	Xuân Nha	Sơn La
8	Lò Trường	Kỳ	23/04/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,85	Bản Nà Sàng	Chiềng Sơn	Sơn La
9	Hà Thùy	Linh	28/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,75	Bản Thín	Xuân Nha	Sơn La
10	Phàng A	Lờ	20/06/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,75	Bản Nậm Dên	Chiềng Sơn	Sơn La
11	Mùi Yên	Nhi	29/09/2010	Nữ	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,25	Bản Tun	Xuân Nha	Sơn La
12	Mùa Vàng	Chống	02/03/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,05	Bản Bún	Xuân Nha	Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
13	Tênh Thị	Múa	22/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	21,05	Bản Săn Cài	Vân Hồ	Sơn La
14	Tênh Thị	Dớ	16/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,95	Bản Săn Cài	Vân Hồ	Sơn La
15	Hà Mạnh	Hùng	14/08/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,85	Bản Mường Tè	Song Khủa	Sơn La
16	Triệu Mai	Linh	22/06/2009	Nữ	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,55	Bản Nà Bai	Vân Hồ	Sơn La
17	Lường Thị Lan	Hương	10/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,35	Bản To Ngùi	Song Khủa	Sơn La
18	Lý Khánh	Duy	03/10/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,35	TDP 83	Vân Sơn	Sơn La
19	Triệu Hữu	Thắng	19/08/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	20,05	Bản Bó Hoi	Đoàn Kết	Sơn La
20	Lò Thị Kim	Oanh	14/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,75	Bản Khả Nhài	Vân Hồ	Sơn La
21	Bàn Văn	Huy	28/02/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,55	Bản Suối Bon	Vân Hồ	Sơn La
22	Mùi Mạnh	Tiến	01/05/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,35	TDP 83	Vân Sơn	Sơn La
23	Hà Ngọc	Thêu	30/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,15	Bản Ui	Vân Hồ	Sơn La
24	Lò Thị Hải	Yến	16/02/2010	Nữ	Xinh Mun	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,15	Bản Páng	Tô Múa	Sơn La
25	Vì Quốc	Được	17/06/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,05	Bản Páng	Tô Múa	Sơn La
26	Đặng Minh	Thiện	01/02/2010	Nam	Dao	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	19,05	Suối Lìn	Vân Hồ	Sơn La
27	Giàng A	Xuân	11/12/2010	Nam	Mông	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,95	Co Lóng	Vân Hồ	Sơn La
28	Lường Anh	Tuấn	03/08/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,75	Nà Bai	Song Khủa	Sơn La
29	Mùi Đức	Thương	04/10/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,55	Bản Hinh	Song Khủa	Sơn La
30	Bùi Trí	Dũng	12/05/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	18,25	TDP Bình Minh	Vân Sơn	Sơn La
31	Đinh Văn	Nguyễn	17/05/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,95	Bản Mường An	Xuân Nha	Sơn La
32	Vì Văn	Huyền	28/08/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,75	Bản Chiềng Nưa	Xuân Nha	Sơn La
33	Đinh Công	Luyên	02/10/2010	Nam	Mường	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,65	Bản Mường An	Xuân Nha	Sơn La
34	Vì Quang	Huy	06/10/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,25	Bản Uông	Vân Hồ	Sơn La
35	Đỗ Thái	Hoàng	03/12/2010	Nam	Kinh	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,25	Bản Hang Trùng 1	Vân Hồ	Sơn La
36	Hà Quang	Vinh	07/05/2010	Nam	Thái	9/12	5810103	Hướng dẫn du lịch	Toán học, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý	17,05	Bản Ui	Vân Hồ	Sơn La

(Danh sách trên có 498 thí sinh trúng tuyển)